

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 219/2026/DS-PT
Ngày: 21/4/2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Thẩm phán: ông Huỳnh Châu Thạch, ông Nguyễn Thành Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Trúc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Việt Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2026/QĐ-PT ngày 23/3/2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 174/2026/QĐ-PT ngày 07/4/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trương Thị Quỳnh N, sinh năm 1994; địa chỉ: số F thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** bà Phạm Thị H1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: thôn M, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Thông Quốc C, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn L, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- **Người kháng cáo:** bà Phạm Thị H1 là bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt: bà Trương Thị Quỳnh N, bà Phạm Thị H1; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/01/2023 dương lịch, tại nhà bà Phạm Thị H1, bà Nguyễn Thị H có cho bà H1 vay số tiền là 118.000.000đ, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1%/tháng, hạn đến ngày 10/02/2023 (âm lịch) tức ngày 01/03/2023 (dương lịch) bà H1 sẽ trả đủ tiền cho bà H. Bà H viết giấy vay tiền ngày 17/01/2023, bà H1 ký xác nhận. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ, mặc dù bà H đã rất nhiều lần yêu cầu bà H1 trả tiền nhưng bà H1 khất lần, lẩn tránh. Đến nay các bên vẫn không thể tự thương lượng, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp, do đó bà H đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng giải quyết: buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà H số tiền gốc là 118.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 02/3/2023 đến ngày xét xử vụ án 27/01/2026 là 34 tháng 25 ngày với số tiền lãi là 34.115.000đ. Tổng số tiền cả gốc và lãi bà H yêu cầu bà H1 phải trả là 152.115.000đ. Bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H1 phải trả tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 17/01/2023 đến ngày 01/3/2023.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Thông Quốc Công trình B tại văn bản trình bày quan điểm pháp lý đề ngày 21/01/2026:

Bị đơn thừa nhận chữ ký của mình trên giấy vay tiền. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận sự kiện giao nhận tiền trên thực tế. Việc thừa nhận chữ ký chỉ xác nhận rằng bị đơn có ký vào văn bản đó, không đồng nghĩa với việc bị đơn đã nhận 118.000.000đ.

Giấy vay tiền do nguyên đơn tự viết và bị đơn ký không đủ để chứng minh hành vi giao tiền. Bị đơn cho rằng không có sự kiện giao tiền, việc chỉ dựa vào một tờ giấy do nguyên đơn tự lập để suy đoán có giao tiền là không đáp ứng chuẩn mực chứng minh theo tố tụng dân sự. Nếu coi giấy này đương nhiên chứng minh đã giao tiền thì thực chất là đảo nghĩa vụ chứng minh, buộc bị đơn phải chứng minh một sự kiện phủ định (không có thật) trong khi nguyên đơn không đưa ra chứng cứ giao tiền. Ngoài giấy vay, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ độc lập nào khác để củng cố sự kiện giao nhận tiền. Do đó, nguyên đơn không chứng minh về việc giao tiền 118.000.000đ trên thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 27/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn bà Phạm Thị H1.

Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 118.000.000đ (*Một trăm mười tám triệu đồng*) và số tiền lãi là 34.115.000đ (*ba mươi tư triệu một trăm mười lăm nghìn đồng*). Cộng chung, buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H cả tiền gốc và tiền lãi là 152.115.000đ (*Một trăm năm mươi hai triệu một trăm mười lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Phạm Thị H1 phải trả tiền lãi từ ngày 17/01/2023 đến ngày 01/3/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/02/2026, bị đơn bà Phạm Thị H1 có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa phúc thẩm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị H1 trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về số tiền gốc

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ giấy vay tiền lập ngày 17/01/2023 (âm lịch) là ngày 01/3/2023 dương lịch với nội dung: Bà Nguyễn Thị H cho bà Phạm Thị H1 vay số tiền 118.000.000đ, hạn đến ngày 10/2/2023 (âm lịch) bà H1 có trách nhiệm trả đầy đủ cho bà H. Nguyên đơn, bị đơn đều xác định bên vay là bà H1 đã ký vào giấy vay tiền, tuy nhiên bị đơn là bà H1 trình bày không nhận được số tiền vay là 118.000.000đ từ phía nguyên đơn nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy: Sau khi ký vào giấy vay tiền, bà H1 cho rằng chưa nhận được tiền theo giấy vay nhưng bà không có thắc mắc gì, không yêu cầu bà H hủy giấy vay tiền mà bà đã ký, việc ký giấy vay và nhận tiền tại cùng một thời điểm là phù hợp với thông lệ cho vay giữa cá nhân với nhau. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 118.000.000đ và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 118.000.000đ là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn về số tiền gốc không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Các bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền, nên xác định đây là hợp đồng vay có ký hạn và không lãi suất. Đến hạn trả nợ, bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu lãi suất chậm trả. Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất là 0,83%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Lãi suất được tính như sau: $118.000.000đ \times 34 \text{ tháng } 25 \text{ ngày (từ ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/01/2026)} = 34.115.766đ$, làm tròn 34.115.000đ là có căn cứ.

[3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị đơn bà Phạm Thị H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào mới để làm thay đổi bản chất của vụ án, nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng được giữ nguyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng.

- Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn bà Phạm Thị H1.

Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 118.000.000đ (Một trăm mười tám triệu đồng) và số tiền lãi là 34.115.000đ (Ba mươi bốn triệu một trăm mười lăm nghìn đồng). Cộng chung, buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H cả tiền gốc và tiền lãi là 152.115.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị H1 phải chịu 7.605.750đ (Bảy triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 3.831.000đ (Ba triệu tám trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006605 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Phạm Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002912 ngày 13/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/4/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 3 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân